

Cập nhật các sửa đổi, thay thế Thông tư 22: hỗ trợ tăng trưởng trong ngắn hạn, hướng tới Basel III về dài hạn

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chính thức ban hành Thông tư 25/2026 sửa đổi Thông tư 22 với trọng tâm nới lỏng một số tỷ lệ bảo đảm an toàn đối với các ngân hàng. Theo đó, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn được nâng từ 30% lên 40%, đồng thời trao quyền cho NHNN linh hoạt điều chỉnh tỷ trọng tiền gửi KBNN được tính vào tỷ lệ LDR (so với mức cố định 20% tiền gửi KBNN tại Thông tư 08/2026). Các điều chỉnh này được đưa ra trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh đầu tư hạ tầng với nhiều dự án quy mô lớn, kéo theo nhu cầu vốn trung và dài hạn của nền kinh tế tăng mạnh, trong khi đó, áp lực huy động vốn của hệ thống ngân hàng vẫn dai dẳng. Việc ban hành Thông tư 25 có thể giúp các ngân hàng giảm áp lực huy động vốn trung và dài hạn, qua đó góp phần hạ nhiệt cạnh tranh lãi suất trong hệ thống.

Đáng chú ý, dự thảo thay thế Thông tư 22 được NHNN lấy ý kiến trước đó lại hướng đến mục tiêu dài hạn hơn, với trọng tâm áp dụng các chuẩn mực quản trị thanh khoản, nguồn vốn theo tinh thần Basel III. Bên cạnh ba chỉ tiêu cốt lõi của Basel III gồm tỷ lệ khả năng chi trả (LCR), tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) và tỷ lệ đòn bẩy (LEV), Dự thảo còn bổ sung tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng so với huy động vốn (CDR) như một quy định đặc thù trong nước, thay thế tỷ lệ LDR hiện hành trong giai đoạn chuyển tiếp trước khi các ngân hàng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu Basel III. Chưa có thông tin cụ thể bao giờ các quy định trong dự thảo này sẽ được đưa vào thực hiện.

Một số điểm chính

- **Thông tư 25 phản ánh định hướng nới lỏng trong ngắn hạn để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng:** Việc nâng tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (SMLR) lên 40% sẽ giúp giảm áp lực huy động nguồn vốn trung và dài hạn cho hệ thống, từ đó giảm áp lực chi phí vốn tăng. Đồng thời, bổ sung cơ chế trao quyền cho NHNN linh hoạt điều chỉnh tỷ trọng tiền gửi KBNN được tính vào LDR sẽ giúp cơ quan quản lý chủ động hỗ trợ thanh khoản hệ thống khi cần thiết.
- ✓ **Nhóm ngân hàng hưởng lợi từ Thông tư 25:** các ngân hàng có tỷ lệ SMLR gần chạm trần 30% tại cuối Q1/2026 (bao gồm MBB, VPB) sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ việc nâng trần. Nhóm NHTM quốc doanh (BID, CTG và VCB) – vốn là các ngân hàng chuyên giải ngân tín dụng cho các dự án đầu tư công – cũng có thể được hưởng lợi nhờ giảm bớt áp lực cân đối nguồn vốn trung dài hạn.
- **Dự thảo về tiệm cận chuẩn Basel III mang ý nghĩa cải cách dài hạn:** Việc đưa vào các tỷ lệ LCR, NSFR và LEV sẽ nâng cao kỷ luật thanh khoản, chất lượng nguồn vốn và khả năng chống chịu của hệ thống ngân hàng.
- ✓ **CDR là quy định có tác động lớn nhất nếu được triển khai:** So với tỷ lệ LDR hiện hành, CDR phản ánh mối quan hệ giữa tín dụng và huy động vốn nghiêm ngặt hơn, mặc dù trần 85% vẫn được giữ nguyên. Phạm vi dư nợ tín dụng được mở rộng khi bổ sung tính đến các hình thức cấp tín dụng ngoài cho vay truyền thống, trong khi cơ sở huy động loại trừ nguồn vốn liên ngân hàng. Các ngân hàng phụ thuộc nhiều vào thị trường liên ngân hàng để cân đối nguồn vốn sẽ bị ảnh hưởng lớn nhất nếu CDR được áp dụng.
- ✓ **Nhóm ngân hàng có lợi thế cạnh tranh khi triển khai chuẩn Basel III:** các ngân hàng sở hữu cơ cấu tiền gửi bán lẻ vững chắc, tỷ trọng nguồn vốn dài hạn cao và bộ đệm tài sản thanh khoản cao (HQLA) lớn sẽ có vị thế thuận lợi hơn, nhờ có nền tảng để đáp ứng các yêu cầu mới mà không cần điều chỉnh đáng kể bảng CĐKT.

Quy định	Tỷ lệ	Thay đổi chính
Thông tư 25/2026	SMLR	Nâng từ mức 30% lên 40%
	% tiền gửi KBNN tính vào LDR	- Giữ nguyên mức 20% - Bổ sung quy định NHNN được linh hoạt điều chỉnh tỷ lệ
Dự thảo về chuẩn Basel III	CDR	- Thay thế tỷ lệ LDR hiện hành - ≤ 85% ; miễn áp dụng khi LCR & NSFR ≥ 100%
	LCR	- Áp dụng theo lộ trình tăng dần từ 2028: ≥ 70% năm 2028 lên ≥ 100% từ 2031 - Đăng ký áp dụng ngay: ≥ 100%
	NSFR	- Áp dụng theo lộ trình tăng dần từ 2028: ≥ 90% năm 2028 lên ≥ 100% từ 2030 - Đăng ký áp dụng ngay: ≥ 100%
	LEV	≥ 3% ; NHNN quyết định áp dụng khi cần thiết

Nguồn: S&I Ratings tổng hợp

Đánh giá tác động của Thông tư 25

Nội dung chính

- Nâng tỷ lệ tối đa vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn từ mức 30% lên 40%
- Giữ nguyên quy định 20% tiền gửi Kho bạc nhà nước được tính vào tỷ lệ LDR theo Thông tư 08/2026 (mới có hiệu lực từ 15/5/2026), đồng thời trao quyền cho NHNN linh hoạt điều chỉnh tỷ lệ này trong từng thời kỳ

Quan điểm của chúng tôi

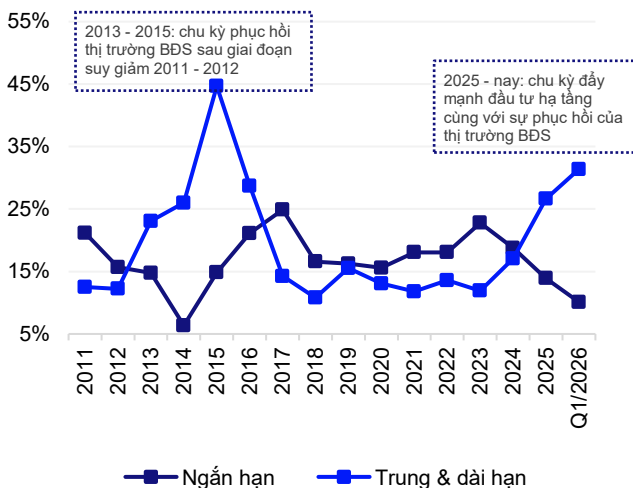
Chúng tôi đánh giá Thông tư 25 mang thông điệp hỗ trợ tăng trưởng tín dụng trong ngắn hạn thông qua việc giảm áp lực thanh khoản đối với hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh nhu cầu vốn trung và dài hạn của nền kinh tế tiếp tục tăng mạnh nhằm phục vụ các dự án hạ tầng quy mô lớn, việc nới lỏng các tỷ lệ giúp các ngân hàng có thêm dư địa để mở rộng tín dụng, đồng thời giảm áp lực huy động nguồn vốn dài hạn. Đến cuối Quý 1/2026, dư nợ cho vay trung dài hạn tăng gần 31% svck (tiếp tục tăng tốc so với mức 27% trong năm 2025), và cao hơn đáng kể so với mức tăng trưởng 10% của cho vay ngắn hạn.

Việc nâng trần SMLR thêm 10% đồng nghĩa các ngân hàng có thể sử dụng thêm lượng vốn ngắn hạn tương đương 10% để tài trợ cho các khoản vay trung dài hạn. Các ngân hàng đang theo đuổi chiến lược đẩy mạnh cho vay trung dài hạn nhưng có tỷ lệ SMLR tiệm cận ngưỡng quy định sẽ là nhóm hưởng lợi nhiều nhất, nhờ áp lực huy động vốn kỳ hạn dài giảm. Theo số liệu cuối Quý 1/2026, MBB (29%), VPB (28.3%) là các ngân hàng có tỷ lệ SMLR cao nhất hệ thống. Trong khi đó, nhóm ngân hàng quốc doanh cũng được hưởng lợi do tập trung giải ngân đối với các dự án đầu tư công, vốn thường có kỳ hạn dài.

Thông tư 25 cũng bổ sung cơ chế cho phép NHNN linh hoạt điều chỉnh tỷ trọng tiền gửi Kho bạc Nhà nước được tính vào LDR, thay vì cố định ở mức 20%. Mặc dù tác động ở cấp độ toàn hệ thống tương đối hạn chế (chúng tôi ước tính 20% tiền gửi Kho bạc chỉ tương đương khoảng 0,8% dư nợ tín dụng toàn ngành), quy định này sẽ giúp NHNN chủ động hỗ trợ thanh khoản hệ thống khi cần thiết. Các ngân hàng quốc doanh được hưởng lợi rõ nét hơn do khi 20% số dư tiền gửi Kho bạc chiếm khoảng 2,1% dư nợ tín dụng tại VCB, 1,8% tại CTG và 1,5% tại BID.

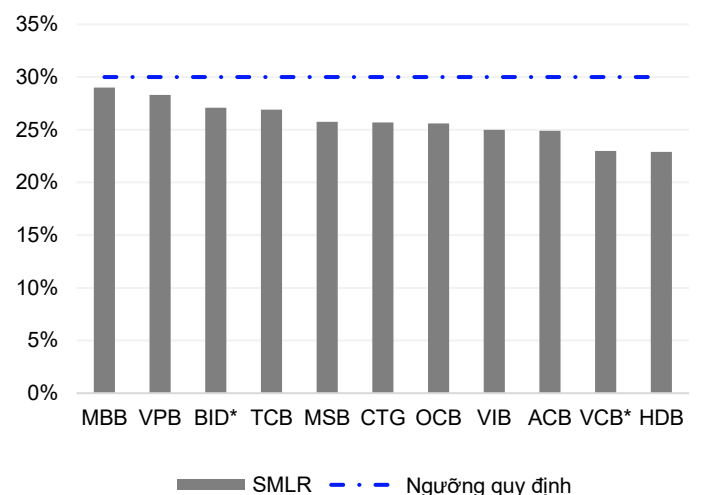
Tổng thể, chúng tôi cho rằng Thông tư 25 sẽ góp phần giảm áp lực huy động vốn, hạ nhiệt cạnh tranh lãi suất giữa các ngân hàng và tạo thêm dư địa tăng trưởng tín dụng trong thời gian tới. Đây là bước điều chỉnh phù hợp trong bối cảnh hệ thống đang đồng thời đáp ứng nhu cầu vốn lớn cho nền kinh tế và phải duy trì mặt bằng lãi suất ổn định để hỗ trợ tăng trưởng.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng tín dụng theo kỳ hạn, tổng hợp 27 ngân hàng niêm yết



Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 2. So sánh tỷ lệ vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn cuối Q1/2026, một số NH



Nguồn: S&I Ratings tổng hợp; Ghi chú: (*) số liệu cuối 2025

Đánh giá tác động của Dự thảo về chuẩn Basel III

Nội dung chính

Dự thảo đưa vào bốn chỉ tiêu quan trọng, bao gồm tỷ lệ khả năng chi trả (LCR), tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR), tỷ lệ đòn bẩy (LEV) và tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng so với huy động vốn (CDR). Trong đó, LCR, NSFR và LEV hướng đến quản trị thanh khoản và đòn bẩy theo chuẩn quốc tế Basel III, trong khi CDR là quy định mang tính đặc thù nhằm kiểm soát mối quan hệ giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn trong giai đoạn chuyển tiếp. Nhìn chung, dự thảo hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng bằng CĐKT của các ngân hàng khi chuyển trọng tâm từ việc quản lý dựa vào các chỉ tiêu cân đối đơn thuần sang tập trung vào chất lượng tài sản thanh khoản, mức độ ổn định nguồn vốn và tính bền vững của tăng trưởng bằng CĐKT. Nói cách khác, việc tăng trưởng phải đi cùng với nguồn vốn ổn định và bộ đệm thanh khoản vững chắc hơn.

- LCR: yêu cầu các ngân hàng duy trì đủ tài sản thanh khoản cao (HQLA) để đáp ứng nhu cầu chi trả trong kịch bản thị trường căng thẳng kéo dài 30 ngày. So với quy định hiện hành, LCR xác định HQLA theo hướng phản ánh chất lượng thanh khoản thực chất hơn.
- NSFR: đảm bảo các tài sản dài hạn phải được tài trợ bởi nguồn vốn ổn định/dài hạn tương ứng, qua đó hạn chế rủi ro mất cân đối kỳ hạn giữa tài sản và nguồn vốn.
- LEV: đóng vai trò như lớp bảo vệ bổ sung cho các tỷ lệ an toàn vốn hiện hành; hạn chế mở rộng quy mô bằng CĐKT dựa vào đòn bẩy quá mức, kể cả khi ngân hàng nắm giữ các tài sản có rủi ro thấp.
- CDR: yêu cầu tăng trưởng tín dụng phải gắn chặt với khả năng huy động nguồn vốn từ thị trường 1, giảm sự phụ thuộc vào các nguồn vốn kém ổn định như thị trường liên ngân hàng. Phạm vi dư nợ được mở rộng khi bao gồm tất cả các hình thức cấp tín dụng khác (đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, bảo lãnh, thư tín dụng...), đồng thời tinh lọc cơ sở huy động khi loại trừ các khoản tiền gửi liên ngân hàng và phát hành giấy tờ có giá nắm chéo giữa các tổ chức tín dụng.

Quan điểm của chúng tôi

Việc đưa các chuẩn mực Basel III vào khuôn khổ pháp lý là bước đi cần thiết nhằm nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống ngân hàng trong dài hạn. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các yêu cầu về LCR và NSFR thường được áp dụng theo lộ trình để các ngân hàng từng bước thích nghi. Tại Việt Nam, một số ngân hàng như TPB, ACB, HDB, MBB và TCB đã/đang triển khai các chỉ tiêu này trong giám sát rủi ro định kỳ. Do đó, chúng tôi cho rằng **tác động đến hệ thống sẽ diễn ra theo hướng tăng dần chi phí tuân thủ thay vì tạo ra cú sốc ngắn hạn**. Các ngân hàng có nền tảng tiền gửi bán lẻ vững chắc, tỷ trọng nguồn vốn trung và dài hạn cao, bộ đệm tài sản thanh khoản lớn sẽ có lợi thế hơn trong quá trình triển khai Basel III, trong khi nhóm phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn kém ổn định hoặc sở hữu bộ đệm thanh khoản mỏng sẽ gặp thách thức hơn để đáp ứng các yêu cầu mới.

Ngược lại, CDR là nội dung có tác động đáng chú ý nhất trong Dự thảo. So với LDR hiện hành, CDR được thiết kế theo hướng thận trọng hơn khi mở rộng phạm vi cấp tín dụng nhưng đồng thời thu hẹp cơ sở nguồn vốn được ghi nhận, trong khi ngưỡng quy định vẫn duy trì ở mức 85%. **Theo ước tính của chúng tôi, CDR tại hầu hết ngân hàng sẽ cao hơn đáng kể so với LDR hiện hành** do cả tử số và mẫu số đều thay đổi theo hướng bất lợi. Đến cuối Quý 1/2026, các khoản cấp tín dụng ngoài cho vay truyền thống (bao gồm đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, bảo lãnh, thư tín dụng) có quy mô tương đương 14% dư nợ cho vay toàn ngành. Trong khi đó, nguồn vốn liên ngân hàng và giấy tờ có giá (chưa tách riêng phần nắm giữ bởi các ngân hàng) lần lượt chiếm gần 25% và 13% quy mô cho vay. Điều này cho thấy tác động từ việc thu hẹp mẫu số lớn hơn so với tác động mở rộng tử số, trong khi các yếu tố hỗ trợ như ghi nhận 20% tiền gửi Kho bạc và khấu trừ vốn chủ sở hữu chỉ bù đắp một phần. **Do đó, nếu được áp dụng, một số ngân hàng sẽ cần đẩy mạnh huy động từ thị trường 1, giảm phụ thuộc vào nguồn vốn liên ngân hàng hoặc điều chỉnh tốc độ tăng trưởng tín dụng để đáp ứng ngưỡng quy định**.

Tuy vậy, chúng tôi cho rằng quy định về CDR sẽ còn tiếp tục được hoàn thiện trong thời gian tới. Quan điểm này xuất phát từ việc NHNN gần đây liên tục ban hành các chính sách với thông điệp giảm áp lực thanh khoản và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, nổi bật là Thông tư 25/2026 cùng cơ chế tín dụng đặc thù đối với các dự án trọng điểm của Vingroup, Sun Group và Masterise. Trong bối cảnh đó, việc áp dụng một tỷ lệ nghiêm ngặt có thể làm giảm hiệu quả của các chính sách hỗ trợ. Vì vậy, chúng tôi kỳ vọng lộ trình triển khai hoặc một số cấu phần trong phương pháp tính CDR sẽ còn tiếp tục được điều chỉnh, nhằm hài hòa giữa mục tiêu nâng chuẩn quản trị rủi ro và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn hiện nay.

Bảng 1. Đánh giá sơ bộ tác động tỷ lệ LCR, NSFR, LEV và CDR

Tỷ lệ	Tác động
LCR	<ul style="list-style-type: none"> Tăng nắm giữ HQLA thông qua tăng mua chứng khoán thanh khoản đủ điều kiện → có thể tăng thanh khoản cho thị trường trái phiếu Khuyến khích huy động nguồn vốn ổn định (như tiền gửi bán lẻ, SME, tiền gửi hoạt động) nhờ hệ số rút tiền thấp. Hạn chế huy động các nguồn vốn bán buôn kém ổn định.
NSFR	<ul style="list-style-type: none"> Tăng nắm giữ HQLA Tăng huy động nguồn vốn dài hạn, có tính gắn kết cao Hạn chế cho vay dài hạn nhưng huy động nguồn vốn có kỳ hạn không tương ứng/gắn kết thấp
LEV	<ul style="list-style-type: none"> Hạn chế tăng trưởng các hoạt động ngoại bảng quá mức
CDR	<ul style="list-style-type: none"> Giảm tốc độ tăng tín dụng tại các ngân hàng có CDR cao Tăng huy động nguồn vốn thị trường dân cư, hạn chế huy động từ thị trường LNH

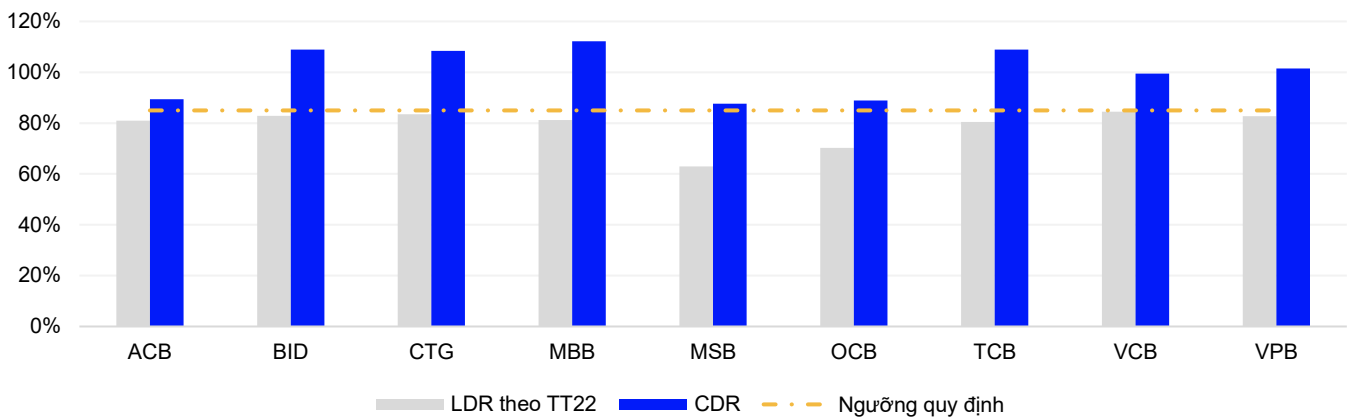
Nguồn: S&I Ratings tổng hợp

Bảng 2. Tác động của các thay đổi cấu phần lên tỷ lệ CDR/LDR

Thành phần	Thay đổi	Tỷ trọng so với dư nợ cho vay	Tác động đến CDR/LDR
Cấp tín dụng	Bổ sung bao gồm đầu tư TPĐN, bảo lãnh, thư tín dụng...	14%	Tăng
Tiền gửi và vay liên ngân hàng	Loại khỏi mẫu số	25%	Tăng mạnh
Giấy tờ có giá	Loại khỏi mẫu số phần do ngân hàng nắm giữ	13% (*)	Tăng
Tiền gửi Kho bạc nhà nước	20% được tính vào mẫu số	0,8%	Giảm nhẹ
Vốn chủ sở hữu	Trừ khỏi tử số	13%	Giảm

Nguồn: S&I Ratings tổng hợp; Ghi chú: (*) chưa tách phần GTCG do ngân hàng nắm giữ

Biểu đồ 3. Ước tính tỷ lệ CDR, một số ngân hàng



Nguồn: S&I Ratings

Phụ lục: Phân tích tổng quan các tỷ lệ LCR, NSFR, LEV và CDR

Tỷ lệ	Công thức	Điểm chính
LCR	<p>LCR = HQLA đủ điều kiện / Dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo</p> <p>HQLA:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp 1 (haircut 0%): tiền mặt, tiền gửi NHNN, công cụ nợ của CP Việt Nam và NHNN, chứng khoán Chính phủ và NHTW khác có hệ số rủi ro 0%. Cấp 2A (haircut 15%): chứng khoán Chính phủ và NHTW khác có hệ số rủi ro 20%, TPDN/TP bảo đảm từ AA- trở lên. Cấp 2B (haircut 25-50%): RMBS, TPDN từ A+ đến BBB-, cổ phiếu đủ điều kiện. <p>Dòng tiền ra ròng: = Dòng tiền ra dự kiến - Min (Dòng tiền vào dự kiến, 75% dòng tiền ra dự kiến)</p>	<ul style="list-style-type: none"> Loại trừ tiền gửi không kỳ hạn và qua đêm liên ngân hàng, bổ sung các chứng khoán nợ có XHTN từ BBB- trở lên (so với chỉ từ AA- theo TT22) và cổ phiếu đủ điều kiện → giúp đa dạng hóa danh mục HQLA, nhưng yêu cầu tài sản thanh khoản mang tính thực chất hơn. Dòng tiền ra được xác định theo tính ổn định hành vi của từng nguồn vốn thông qua hệ số rút tiền tương ứng. Ví dụ, tiền gửi từ các tổ chức tài chính (biến động cao) áp dụng hệ số cao nhất là 100%, so với chỉ 40% ở phân khúc bán lẻ, SME. Ý nghĩa: chuyển trọng tâm quản lý thanh khoản từ quy mô đơn thuần sang chất lượng thanh khoản và hành vi dòng tiền.
NSFR	<p>NSFR = Nguồn vốn ổn định sẵn có (ASF) / Nguồn vốn ổn định yêu cầu (RSF)</p> <ul style="list-style-type: none"> ASF: phản ánh mức độ ổn định của từng loại nguồn vốn sau khi áp dụng hệ số ASF. RSF: phản ánh <i>nhu cầu vốn ổn định</i> của từng loại tài sản sau khi áp dụng hệ số RSF. 	<ul style="list-style-type: none"> Nguồn vốn dài hạn, vốn chủ sở hữu và tiền gửi bán lẻ được áp dụng hệ số ASF cao hơn; nguồn vốn ngắn hạn hoặc liên ngân hàng có hệ số thấp hơn. Tài sản có kỳ hạn dài hoặc thanh khoản thấp chịu hệ số RSF cao hơn, qua đó yêu cầu lượng vốn ổn định lớn hơn để tài trợ. Ý nghĩa: việc mở rộng tài sản dài hạn phải đi kèm với nguồn vốn ổn định/dài hạn tương ứng, hạn chế phụ thuộc vào nguồn vốn kém ổn định/ngắn hạn.
LEV	<p>LEV = Vốn cấp 1 / Tổng trạng thái rủi ro</p> <p>Tổng trạng thái rủi ro bao gồm toàn bộ tài sản nội bảng và ngoại bảng, không điều chỉnh theo hệ số rủi ro</p>	<ul style="list-style-type: none"> Hạn chế việc mở rộng bảng cân đối kế toán dựa trên đòn bẩy quá mức, kể cả khi tài sản có rủi ro thấp. Các ngân hàng có tầm quan trọng hệ thống chỉ được chia cổ tức tiền mặt khi đáp ứng yêu cầu LEV theo quy định LEV ($\geq 3\% + 50\%$ bộ đệm vốn) Ý nghĩa: phản ánh chính xác hơn mức độ đòn bẩy của ngân hàng do không hiệu chỉnh theo hệ số rủi ro tài sản.
CDR	<p>CDR = Tổng dư nợ cấp tín dụng / Huy động vốn</p> <p>Tổng dư nợ cấp tín dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổng danh mục dư nợ cho vay trong TT22. (+) các hoạt động cấp tín dụng khác: chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh, thư tín dụng và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. (-) các phần vốn cốt lõi thuộc vốn chủ sở hữu. <p>Huy động vốn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổng danh mục tiền gửi trong TT22. (+) 20% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước (đã áp dụng theo Thông tư 08/2026) (-) tiền gửi LNH. (-) phát hành giấy tờ có giá do ngân hàng nắm giữ. 	<ul style="list-style-type: none"> Mở rộng từ số khi bao gồm toàn bộ các hình thức cấp tín dụng, thay vì chỉ dư nợ cho vay. Thu hẹp mẫu số khi loại trừ các nguồn vốn liên ngân hàng, phản ánh sát hơn khả năng huy động vốn từ thị trường 1. Ý nghĩa: là thay đổi có tác động lớn nhất trong Dự thảo, đặc biệt đối với các ngân hàng phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn liên ngân hàng.

Nguồn: S&I Ratings tổng hợp

Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm S&I

Số 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện Thoại: 024 3208 1356

Miễn trừ trách nhiệm

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà S&I Ratings cho là đáng tin cậy, tuy nhiên S&I Ratings không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. S&I Ratings và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của S&I Ratings và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của S&I Ratings. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. S&I Ratings có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho S&I Ratings. S&I Ratings không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.